

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 4009/2026/DS-ST
Ngày: 21-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thành Lộc.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Linh, Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2774/2026/TLST-DS ngày 26/05/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1030/2026/QĐXXST-DS ngày 25/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 739/2026/QĐST-DS ngày 24/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P1 (O); địa chỉ: Tòa nhà H, số A T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1997; địa chỉ: Lầu F, số A đường T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2026) (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Ngọc P, sinh năm 1986, CCCD số: 079186009500; địa chỉ: Số nhà E đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1 và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP P1 (gọi tắt là Ngân hàng) có bà Nguyễn

Thị Thảo N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: căn cứ vào thu nhập của bà Hoàng Ngọc P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà P, cụ thể:

- Ngày 20/9/2024, Ngân hàng TMCP P1 và bà Hoàng Ngọc P có ký Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số ST24042124/2024/PTD/HĐTDKKUNN-OCB-CN, cụ thể như sau: Số tiền cho vay là 177.000.000 đồng; Thời hạn cho vay là 60 tháng; Mục đích vay vốn là vay tiêu dùng; Lãi suất vay là 14,15%/năm với lãi suất cố định; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay tiêu dùng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà P đã vi phạm nghĩa vụ nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 21/8/2026, bà P nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số ST24042124/2024/PTD/HĐTDKKUNN-OCB-CN ngày 20/9/2024 là 211.526.552 đồng, trong đó: nợ gốc là 168.695.908 đồng, nợ lãi là 42.830.644 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ, nhưng đến nay bà Hoàng Ngọc P vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Vì vậy, bà Hoàng Ngọc P đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký với Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng TMCP P1 yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Ngọc P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2026 là 211.526.552 đồng, trong đó nợ gốc là 168.695.908 đồng, lãi trong hạn 42.830.644 đồng. Đồng thời, bà P có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 22/8/2026 cho đến khi bà Hoàng Ngọc P hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P1. Thanh toán khoản nợ ngay sau khi quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Vụ án không thể tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc bà Hoàng Ngọc P ký kết với Ngân hàng TMCP P1 Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số ST24042124/2024/PTD/HĐTDKKUNN-OCB-CN ngày 20/9/2024 nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 464, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017, Ngân hàng yêu cầu bà

P trả ngay số nợ gốc và lãi là 211.526.552 đồng. Đồng thời, bà P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 22/8/2026 cho đến khi bà P hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P1 quy định tại Hợp đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP P1 và bà Hoàng Ngọc P là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà Hoàng Ngọc P có nơi cư trú cuối cùng tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Hợp đồng được ký kết giữa cá nhân bà P và Ngân hàng, nay Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà P trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa chồng bà P (nếu có) vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như không xem xét đến trách nhiệm liên đới trả nợ giữa bà P và chồng bà (nếu có). Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP P1 có đơn xin vắng mặt và bị đơn là bà Hoàng Ngọc P vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Xét thấy, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà P đến tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là, bà P đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của Ngân hàng đối với mình, tự tước bỏ quyền chứng minh của mình, nên bà P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] *Về nội dung:* Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Hoàng Ngọc P phải trả số nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 21/8/2026 là 211.526.552 đồng, trong đó nợ gốc là 168.695.908 đồng, nợ lãi là 42.830.644 đồng. Đồng thời, bà P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 22/8/2026 cho đến khi bà P

hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P1 quy định tại Hợp đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: về hình thức, các hợp đồng tín dụng nói trên được lập thành văn bản, phù hợp với quy định của quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Về mặt nội dung, chủ thể giao kết hợp đồng - Ngân hàng TMCP P1 là một tổ chức tín dụng, được phép cấp tín dụng; bà Hoàng Ngọc P có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ngân hàng và bà P tự nguyện giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng và bà P có ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số ST24042124/2024/PTD/HĐTDKKUNN-OCB-CN với số tiền vay là 177.000.000 đồng, Thời hạn cho vay là 60 tháng; Mục đích vay vốn là vay tiêu dùng; Lãi suất vay là 14,15%/năm với lãi suất cố định; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Thỏa thuận này của hai bên đương sự phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng: *“Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 về lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng”*.

Thực hiện hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP P1 đã giải ngân cho bà P đủ số tiền 177.000.000 đồng theo Hợp đồng ngày 20/9/2024. Sau khi vay vốn, bà P đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 16.528.026 đồng, trong đó trả tiền gốc là 8.304.092 đồng và tiền lãi là 8.223.934 đồng, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày 21/8/2026, bà P còn nợ Ngân hàng P1 số tiền là 211.526.552 đồng (trong đó nợ gốc là 168.695.908 đồng, nợ lãi là 42.830.644 đồng). Nay Ngân hàng TMCP P1 yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Ngọc P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2026 là 211.526.552 đồng, trong đó nợ gốc là 168.695.908 đồng, nợ lãi là 42.830.644 đồng. Đồng thời, bà P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 22/8/2026 cho đến khi bà P hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P1 quy định tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 464, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017.

[4] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1 được Tòa án chấp nhận nên bà P phải chịu án phí tính trên số tiền 211.526.552 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 4.901.918 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án

phí số 0032498 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;
- Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1.

1. Buộc bà Hoàng Ngọc P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P1 số tiền nợ gốc là 168.695.908 đồng và nợ lãi là 42.830.644 đồng, tổng cộng là 211.526.552 (Hai trăm mười một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi hai) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Hoàng Ngọc P có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 22/8/2026 theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số ST24042124/2024/PTD/HĐTDKKUNN-OCB-CN ngày 20/9/2024 giữa bà Hoàng Ngọc P và Ngân hàng TMCP P1 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

3. Về án phí: Bà Hoàng Ngọc P phải chịu án phí là 10.576.328 (Mười triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi tám) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 4.901.918 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0032498 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ngân hàng TMCP P1 và bà Hoàng Ngọc P vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 6, điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND khu vực 9 - TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Yến